TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10-9-2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN HUYỆN SÓC SƠN – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Như Ý**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Anh Chi**

2. Bà **Nguyễn Bích Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thu Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lan**- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 342/2019/TLST-HNG ngày 17 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Tạ Văn M**, sinh 1987.

Nơi cư trú: Thôn Đông L, xã Quang T, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội

2. Bị đơn: Chị **Giang Thị T**, sinh 1987

Nơi cư trú: Thôn Đông L, xã Quang T, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội

Có mặt anh M, chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 03.6.2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là anh Tạ Văn M trình bày:**

Anh và chị Giang Thị T lấy nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày

23/3/2011 tại UBND xã Quang T, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội. Sau khi lấy nhau chị T về sống cùng gia đình anh ngay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10.2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều nhưng không được. Đầu năm 2017 anh làm đơn xin ly hôn chị T ra Tòa án nhưng do chị T không đồng ý ly hôn nên anh rút đơn về để vợ chồng hòa giải nhưng không được. Vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 10.2015 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 là Tạ Thanh Tr sinh ngày 18.12.2011 và Tạ Trung K sinh ngày 12.12.2014. Hiện nay hai cháu đang ở cùng chị T. Ly hôn anh muốn nuôi một cháu nhưng do các con đều muốn ở với mẹ nên anh đồng ý để chị T nuôi hai con, anh cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/ cháu. Hiện nay anh đang là nhân viên công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ Thắng Lợi Hà Nội, thu nhập trung bình 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Giang Thị T trình bày tại các lời khai:

Chị và anh Tạ Văn M lấy nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 23/3/2011 tại UBND xã Quang T, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội. Sau khi lấy nhau chị về sống cùng gia đình anh M ngay. Vợ chồng chung sống hạnh đến khoảng tháng 10.2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh M sống không có trách nhiệm với vợ con, không chung thủy. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 10.2015 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị không đồng ý ly hôn vì nghĩ đến quyền lợi của các con.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Tạ Thanh Tr sinh ngày 18.12.2011 và Tạ Trung K sinh ngày 12.12.2014. Ly hôn chị đề nghị nuôi cả hai cháu, chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho mỗi cháu. Hiện nay chị đang là công nhân công ty TNHH Goko Spring Việt Nam, thu nhập trung bình 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp

luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M, cho anh M được ly hôn chị T; Về con chung: giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con: anh M cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng/hai cháu, về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Anh M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đ□ợc thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị GiangThị Thu có hộ khẩu thường trú, sinh sống tại thôn Đông L, xã Quang T, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội. Anh M xin ly hôn chị T, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Tạ Văn M và chị Giang Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 23/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Quang T, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh M, chị T chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự tin tưởng lẫn nhau. Chị T cho rằng anh M ngoại tình, sống không có trách nhiệm với gia đình. Tuy chị T không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng xác nhận kể từ tháng 10 năm 2015 vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ, không quan tâm, chăm sóc nhau, sống ly thân từ đó đến nay, bản thân chị và gia đình đã nhiều lần cố gắng thuyết phục anh M nhưng anh M kiên quyết không nghe. Thời gian vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2015 đến nay chị T cũng không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn giữa hai vợ chồng mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn tới việc anh M làm đơn đề nghị xin ly hôn với chị T. Bản thân chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị không đồng ý ly hôn là vì nghĩ đến quyền lợi của các con. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung vợ chồng. Như vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc chấp nhận đơn xin ly hôn của anh M là cần thiết và cho anh Tạ Văn M được ly hôn với chị Giang Thị T là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh Tạ Văn M và chị Giang Thị T có 02 con chung là Tạ Thanh Tr sinh ngày 18.12.2011 và Tạ Trung K sinh ngày 12.12.2014. Ly hôn, anh M và chị T đều thống nhất chị T tiếp tục nuôi hai con chung, anh M cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/cháu. Hội đồng xét xử thấy: Từ khi anh M, chị T sống ly thân hai cháu đều do một mình chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, hiện nay sức khỏe của cháu bình thường. Nguyện vọng của các cháu đều muốn ở cùng mẹ, hiện nay chị T có công việc và chỗ ở ổn định. Do đó để đảm bảo cho quyền lợi, phù hợp với nguyện vọng và không gây xáo trộn cho sinh hoạt hàng ngày của các cháu, việc giao hai con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo cho sức khỏe và quyền lợi cho hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tạ Văn M và chị Giang Thị T đều thống nhất anh Tạ Văn M cấp dưỡng nuôi hai con chung 1.000.000đ/tháng/cháu. Xét mức cấp dưỡng này đảm bảo quyền lợi của hai cháu nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh M, chị T.

[4] Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, công nợ: Anh M, chị T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử:

1. Anh Tạ Văn M được ly hôn chị Giang Thị T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Tạ Thanh Tr sinh ngày 18.12.2011 và Tạ Trung K sinh ngày 12.12.2014 cho chị Giang Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh M cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000đ/tháng/cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của tòa án.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, anh được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo biên lai số 0002015 ngày 17.7.2019. Anh còn phải nộp tiếp 300.000đ.

Anh Tạ Văn M và chị Giang Thị T có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Như Ý